

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2022

"Về việc tranh chấp Ly hôn và con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** và bà **Nguyễn Thị Bích Thảo**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn và con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXX ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu P**, sinh năm 1994

Đăng ký hộ khẩu: Xóm ĐĐ, thôn CT, xã TT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Cư trú: Xóm QT, thôn CT, xã TT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Xóm ĐĐ, thôn CT, xã TT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Bà P và ông T vắng mặt và đều đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị **Nguyễn Thị Thu P** trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh **Nguyễn Văn T** được tự do tìm hiểu nhau 2 năm thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TH, tỉnh Hải Dương (nay là xã TT, thành phố HD) vào ngày 20/6/2013. Sau khi kết hôn vợ

chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không thương yêu vợ, quý trọng, chăm sóc các con, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày, chỉ biết lo cho bản thân của anh T. Ngoài ra anh T còn có hành vi ngược đãi đánh đập chị, kể cả trong khi chị đang mang thai con thứ 2, anh T thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị. Từ đó, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, đã được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng thực tế vợ chồng cũng không cải thiện được tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng làm ảnh hưởng tâm lý của các con chung. Do không thể chịu đựng được chị đưa cả hai con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở và vợ chồng ly thân từ ngày 20/02/2016 cho đến nay. Chị khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

2. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/10/2013 và Nguyễn Phan A, sinh ngày 17/6/2015. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng chị.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Chị P xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị P đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Văn T nhiều lần, anh T đều đã nhận trực tiếp thông qua đại diện thôn giao cho nhưng anh T không đến Trụ sở Tòa án và Trụ sở UBND xã để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án nên chị P có đơn đề nghị Tòa án xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi vợ chồng sinh sống. Tòa án tiến hành xác minh, được đại diện các tổ chức xã hội và người làm chứng cung cấp thông tin, đều xác định trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng chị P anh T ở thôn, có nhiều mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng khó khăn chồng chất khó khăn. Do không chịu đựng được chị P đã đưa 2 con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống mỗi người một nơi, ly thân từ năm 2016 cho đến nay, cả hai đều không có trách nhiệm gì với nhau trong suốt thời gian vợ chồng ly thân.

Thông qua đại diện chính quyền địa phương làm việc trực tiếp với anh T; đồng thời Tòa án có nhận được bản tự khai của anh T, nội dung bản tự khai

anh T xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hợp nhau. Đến nay anh xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P và cho anh được vắng mặt tại phiên tòa; Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P được nuôi cả 02 con; Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa, chị P và anh T đều xin vắng mặt, chị P giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh T, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Dương tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 BLTTDS; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của BLTTDS và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu P, cho chị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Giao cho chị Nguyễn Thị Thu P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/10/2013 và Nguyễn Phan A, sinh ngày 17/6/2015, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị; Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại xóm ĐĐ, thôn CT, xã TT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án giấy triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị P, anh T là phù hợp qui định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TH, tỉnh Hải Dương (nay là xã TT, thành phố HD) vào ngày 20/6/2013. Chị P và anh T đều xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 đến 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, đã được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng thực tế vợ chồng không cải thiện được tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã làm ảnh hưởng tâm lý của các con chung. Chị P đưa cả hai con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở và vợ chồng ly thân từ ngày 20/02/2016 cho đến nay. Trong suốt thời gian vợ chồng ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị P và anh T không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Xác định chị P và anh T có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/10/2013 và Nguyễn Phan A, sinh ngày 17/6/2015. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, 02 con còn nhỏ do chị P đã và đang trực tiếp nuôi dưỡng, nay vợ chồng ly

hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế. Mặt khác, anh T cũng đề nghị Tòa án giao các con cho chị P nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, xác định chị P có công việc làm, có mức thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng các con. Ngoài ra, chị có nhiều thời gian đưa đón các con đi học, các con ở với chị từ nhỏ, sức khỏe và sự phát triển về trí tuệ của các con hoàn toàn tốt. Nên, xét việc giao các con cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo cuộc sống cho các con. Việc chị P tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung. HĐXX thấy hiện nay chị P kinh doanh buôn bán (xuất nhập rau, củ, quả đi và đến các tỉnh trong cả nước) có mức thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng trên 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nên có khả năng đảm bảo cuộc sống cho các con, sự tự nguyện của chị P phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình:* Chị P và anh T đều xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thu P phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị Thu P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung:* Xử giao con là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/10/2013 và Nguyễn Phan A, sinh ngày 17/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng chị P.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0001806 ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn (chị P) và bị đơn (anh T) vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự TP Hải Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TT, TP HD,
- Lưu VP Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tố Uyên